

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
1	Phạm Minh Thùy	1978	Nghệ thuật	TT-NN	KH Giáo dục	Tiến sĩ	9/18-7/23	ĐHSP Nam Kinh,TQ-HBTQ
2	Nguyễn Thanh Mai	1989	Địa lý	KTT	Địa lý học	Tiến sĩ	7/18-6/22	ĐHSPTN
3	Nguyễn Văn Quyết	1986	Lịch sử	TT-NN	Nguyên lý GD	Tiến sĩ	9/18-7/23	ĐH Tây Nam- TQ
4	Ma Đức Tuấn	1984	TDTT	TT-NN	HL Thể thao	Tiến sĩ	9/18-7/22	HV Thể dục Thượng Hải,TQ
5	Nguyễn Duy Nam	1988	TDTT	TT-NN	HL Thể thao	Tiến sĩ	9/18-7/22	HV Thể dục Thượng Hải,TQ
6	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Ngoại Ngữ	KTT	Ngôn ngữ Anh	Tiến sĩ	9/18-8/21	ĐH Hà Nội
7	Nguyễn Diệu Thương	1986	Ngữ văn	TT	Ngôn ngữ VN	Tiến sĩ	11/18-11/21	ĐHSPTN
8	Nguyễn Thị Trang	1991	Lịch sử	TT-NN	NCXH & VHH	Tiến sĩ	02/19-01/23	ĐH Chao Tung, Đài Loan.
9	Lê Như Hoa	1988	TLGD	TT	Tâm lý học	Tiến sĩ	01/19-12/21	ĐHSPHN
10	Khúc Hùng Việt	1985	Vật lý	TT-NN	Vật lý	Tiến sĩ	02/19-01/23	ĐH Giao thông, Đài Loan;
11	Âu Sơn Hưng	1986	Lịch sử	TT-NN	Công nghệ GD học	Tiến sĩ	9/19-7/23	ĐHSP Hoa Nam, TQ
12	Lê Thị Bình	1979	Tiểu học	TT	LL&PPDH Vật lý	Tiến sĩ	11/19-11/22	ĐHSPTN
13	Lê Thị Thanh Huệ	1985	Mầm non	TT	LL&LS giáo dục	Tiến sĩ	11/19-11/22	ĐHSPTN
14	Nguyễn Thị Hân	1984	Hóa học	TT-NN	Vật lý	Thạc sĩ	9/18-02/21	ĐHQG Thành Công Đài Loan
15	Nguyễn Thị Thúy	1989	THPTTN	TN	LL&PPDH GDTC	Thạc sĩ	10/18-9/20	ĐHSPTN
16	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Ngoại ngữ	TN	Ngôn ngữ Anh	Thạc sĩ	10/18-9/20	Khoa NN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
17	Nguyễn Hải Hưng	1987	HCTC	TN	Hành chính công	Thạc sĩ	12/18-12/20	HVCTQGHCM
18	Đinh Thị Thùy Dương	1985	Ngoại ngữ	TN	Hành chính công	Thạc sĩ	12/18-12/20	HVCTQGHCM
19	Lê Thị Minh Nguyệt	1990	Đào tạo	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	6/19-6/21	ĐHSPTN
20	Phạm Minh Đức	1989	KTX	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	10/19-9/21	ĐHSPTN
21	Lê Thị Nga	1979	HCTC	TN	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	10/19-9/21	ĐHSPTN
22	Trần Thị Thu Hà	1984	KHTC	TN	Kế toán	Thạc sĩ	6/19-5/21	ĐHKT&QTKDTN
23	Trần Mạnh Hùng	1988	KTX	TN	Quản lý kinh tế	Thạc sĩ	6/19-5/21	ĐHKT&QTKDTN
24	Phạm Thị Thủy	1972	THPTTN	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	11/10/18-9/20	Trường Chính trị tỉnh TN
25	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	11/19-05/21	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
26	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	9/19-03/21	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	TLGD	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	9/19-5/21	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
28	Đinh Đức Hợi	1977	Mầm non	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	9/19-5/21	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
29	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-9/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
30	Phạm Thị Huyền	1979	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-9/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
31	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	Hoàn chỉnh CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị	12/2019-9/2020	Học viện Chính trị Quốc gia HCM
32	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	Hoàn chỉnh CCLLCT	Cao cấp lý luận chính trị	02/20-8/20	Học viện Chính trị Quốc gia HCM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
33	Nguyễn Phương Liên	1975	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
34	Phạm T Minh Nguyệt	1978	TTTT-TV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
35	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
36	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa: 18-19	Trường Chính trị tỉnh TN
37	Ngô Giang Nam	1978	HCTC	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	5/19-5/21	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
38	Từ Quang Tân	1979	Đào tạo	KTT	Cao cấp lý luận chính trị	Cao cấp lý luận chính trị	5/19-5/21	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
39	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
40	Đoàn Dũng Trí	1873	KHTC	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
41	Sỹ Danh Thường	1981	Khảo thí	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
42	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
43	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
44	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
45	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
46	Nguyễn Văn Hoàng	1976	KHCN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
47	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
48	Phạm Đức Hậu	1976	TTTT-TV	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
49	Nguyễn Quyết Chiến	1967	KTX	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
50	Nguyễn Anh Tuấn	1864	KTX	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
51	Dương Thu Hằng	1978	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
52	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Ngữ văn	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
53	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
54	Nguyễn Thị Quế Loan	1971	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
55	Dương Quỳnh Phương	1874	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
56	Vũ Vân Anh	1982	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
57	Đỗ Văn Hào	1968	Địa lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
58	Trần Huệ Minh	1977	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
59	Trần Nguyên An	1981	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
60	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
61	Trần Ngọc Hà	1984	Toán	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
62	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
63	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Vật lý	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
64	Đỗ Trà Hương	1969	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
65	Nguyễn Thị Tổ Loan	1981	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
66	Dương Thị Tú Anh	1970	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
67	Dương Ngọc Toàn	1983	Hóa học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
68	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
69	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
70	Lê Thị Phương Hoa	1977	TLGD	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
71	Đỗ Ngọc Cương	1980	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
72	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
73	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
74	Võ Xuân Thủy	1985	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
75	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
76	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
77	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Mầm non	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
78	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
79	Mai Văn Cẩn	1968	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
80	Dương Công Đạt	1979	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
81	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nghệ thuật	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
82	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Ngoại ngữ	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
83	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN
84	Nguyễn Thị Hòa	1990	Lịch sử	KTT	Trung cấp lý luận chính trị	Trung cấp lý luận chính trị	Khóa 47A	Trường Chính trị tỉnh TN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
85	Mai Xuân Trường	1973	BGH	TT	BD kiến thức QP&AN đối tượng 2		07-26/4/19	Trường QS Quân khu I
86	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	BD kiến thức QP&AN đối tượng 2		05-24/5/19	Trường QS Quân khu I
87	Mai Xuân Trường	1973	BGH	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
88	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
89	Nguyễn Quang Linh	1982	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN		08-09/01/19	Bộ GD&ĐT
90	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		24-25/1/19	ĐHCN queensland (Austlria)-VN
91	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	Khóa học ngắn hạn viết đề xuất cho TTr		03-09/3/19	DAAD DIES- Hà Nội
92	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		04-05/3/19	ĐHCN queensland (Austlria)-VN
93	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội
94	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội
95	Trần Thị Thảo	1981	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng chấm thi nói, viết NN		12-21/3/19	ĐHTN- ĐHNN, ĐHQG Hà Nội
96	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Nghiệp vụ tổ chức thi THPT QG		21/3/19	Bộ GD&ĐT
97	Trần Minh Thắng	1985	Đào tạo	TT	TH Nghiệp vụ tổ chức thi THPT QG		21/3/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
98	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	TH Luật tố cáo năm 2018		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
99	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2019		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
100	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2020		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
101	Mã Thị Hương Lan	1976	Thanh tra	TT	TH Luật tố cáo năm 2021		21/3/19	Đại học Thái Nguyên
102	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH Cán bộ QL,GV về QLGD học sinh khiếm thính cấp trung học		06-09/5/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
103	Đàm Thị Kim Thu	1989	TLGD	TT	TH Cán bộ QL,GV về QLGD học sinh khiếm thính cấp trung học		06-09/5/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
104	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH nghiệp vụ thanh tra,KT thi THPTQG		22/4/19	Bộ GD&ĐT-Bình Định
105	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
106	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
107	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
108	Nguyễn Tú Quyên	1980	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
109	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
110	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
111	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
112	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
113	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
114	Nguyễn Thị Thương Huyền	1966	Nghệ thuật	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
115	Dương Thị Lê	1968	Nghệ thuật	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
116	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	TH GVSP/QLGD chủ chốt		23-25/4/19	Ban QLCT ETEP-Bộ GD&ĐT-Hà Nội
117	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
118	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
119	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
120	Nguyễn Tú Quyên	1980	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
121	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
122	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
123	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
124	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
125	Đào Ngọc Anh	1978	TĐTT	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
126	Nguyễn Thương Huyền	1966	Nghệ thuật	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
127	Dương Thị Lê	1968	Nghệ thuật	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
128	Nguyễn T Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	TH thực hiệnCT GDPT mới và đổi mới PPDH		16-21/4/19	Bộ GD&ĐT
129	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	Khóa đào tạo QL dự án trung cấp		23-26/4/19	Ngân hàng thế giới- Đà Nẵng
130	Hà Trần Phương	1971	BGH	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
131	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
132	Đồng Thị Thanh	1987	KHCN	TT	TH kế hoạch KH&CN		25-26/4/19	Bộ GD&ĐT-Hà Nội
133	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	Khóa đào tạo GV nguồn về đổi mới, SHTT		24-26/4/19	Cục sở hữu trí tuệ
134	Trần Thị Minh Huế	1977	Mầm non	TT	Họp tiểu ban GD Mầm non		25/4/19	Hội đồng quốc gia GD&PT nhân lực



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
135	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Khóa học Đào tạo Xây dựng năng lực cho các nhà quản lý giáo dục		23/5-5/6/19	Hàn Quốc
136	Vũ Đình Bắc	1988	KHCN	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
137	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
138	Đỗ Thị Ngọc Phương	1988	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
139	Phùng Thị Thanh Tú	1978	Ngoại ngữ	TT	Bồi dưỡng CB chấm thi nói, viết T.Anh		04/5-30/6/19	ĐHTN
140	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	TT	Bồi dưỡng tiếng Anh		06/5-14/9/19	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội
141	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	Bồi dưỡng tiếng Anh		06/5-10/8/19	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội
142	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	Quản lý trường ĐH hướng tới tự chủ		20-21/5/19	ĐHCN queensland (Austrelia)-VN
143	Lương Đức Thắng	1975	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN
144	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN
145	Phạm Văn Thoại	1975	QTPV	TT	Đào tạo nghiệp vụ Đấu thầu qua mạng		10/5/19	ĐHKH-ĐHTN
146	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
147	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
148	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
149	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
150	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
151	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
152	Nguyễn T Hồng Chuyên	1981	Tiểu học	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
153	Cao Thị Hà	1971	Toán	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
154	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Ngữ văn	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
155	Hà Thị Thu Thủy	1975	Lịch sử	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
156	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	Tập huấn theo CV số 1450/BGDĐT-TrH		20-24/5/19	Bộ GD&ĐT-GDTrH
157	Dương Đình Thái	1962	Bảo vệ	TT	Bồi dưỡng kiến thức QP&AN Đối tượng 3		23/6-9/7/19	Trường QS tỉnh Thái Nguyên
158	Trần Minh Thắng	1985	Đào tạo	TT	TH sử dụng phần mềm tuyển sinh năm 2019		13-14/6/19	Bộ GD&ĐT
159	Hoàng Thị Kim Oanh	1987	KHCN	TT	BD Giao tiếp đối ngoại và lễ tân		10/7/19	TT Thông tin dịch vụ đối ngoại

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
160	Trần Thị Thúy	1989	HCTC	TT	BD Giao tiếp đối ngoại và lễ tân		10/7/19	TT Thông tin dịch vụ đối ngoại
161	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 3		9-25/7/19	Trường Quân sự QKI
162	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 3		13-29/8/19	Trường Quân sự QKI
163	Trần Đình Hùng	1984	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
164	Dương Quang Hải	1981	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
165	Nguyễn Thị Tính	1964	BGH	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
166	Nguyễn Phúc Chính	1962	Đào tạo	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
167	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
168	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
169	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH Bồi dưỡng độ ngũ GV, CBQL		08-09/8/19	Bộ GD&ĐT-Đà Nẵng
170	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH truyền thông chương trình ETEP		09-11/8/19	Bộ GD&ĐT
171	Vũ Minh Tuyên	1960	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
172	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
173	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
174	Vũ Thúy Hằng	1986	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
175	Đoàn Thị Hồng Nhung	1992	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
176	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
177	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
178	Nguyễn Thị Mão	1974	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
179	Nguyễn Thị Hạnh	1988	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
180	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
181	Trần Thị Lan	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
182	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
183	Phạm Thị Huyền	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
184	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
185	Thái Hữu Linh	1988	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
186	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
187	Nguyễn Tuấn Anh	1980	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
188	Lý Trung Thành	1976	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
189	Trần Thanh An	1990	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		12-14/8/19	Bộ GD&ĐT
190	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		23-25/8/19	Bộ GD&ĐT
191	Nguyễn Thị Hường	1975	GDCT	TT	TH giảng viên các môn lý luận chính trị		23-25/8/19	Bộ GD&ĐT
192	Cáp Thanh Tùng	1963	TTTT-TV	TT	Hoạt động nâng cấp cơ sở vật chất		12/8/19	Bộ GD&ĐT-Ban QLCT ETEP
193	Nguyễn Mạnh Hùng	1973	QTPV	TT	Hoạt động nâng cấp cơ sở vật chất		12/8/19	Bộ GD&ĐT-Ban QLCT ETEP
194	Trần Đình Hùng	1984	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
195	Dương Quang Hải	1981	Toán	TT	TH Giảng viên khu vực phía Bắc		26-30/8/19	Viện NC Cao cấp về Toán
196	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH truyền thông Chương trình ETEP		9-11/8/18	Bộ GD&ĐT
197	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	BD nâng cao tiếng Anh-nước Anh		05/10/19-19/01/20	Ban Tổ chức Trung ương-Hà Nội

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
198	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH CBQL hướng dẫn sử dụng bộ công cụ cho HS khiếm thính		25-28/9/19	Bộ GD&ĐT- Hà Nội
199	Đàm Thị Kim Thu	1989	TLGD	TT	TH CBQL hướng dẫn sử dụng bộ công cụ cho HS khiếm thính		25-28/9/19	Bộ GD&ĐT- Hà Nội
200	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Sinh học	TT	Bồi dưỡng kiến thức QP&AN Đối tượng 3		03-19/9/19	Trường QS tỉnh Thái Nguyên
201	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	Học ngắn hạn viết đề xuất cho dự án DAAD DIES ProGRANT		06-12/10/19	ĐH Cologne- Hà nội
202	Nguyễn Thị Tính	1964	BGH	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
203	Đỗ Hồng Thái	1962	HĐT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
204	Đồng Văn Quân	1962	HCTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
205	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
206	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
207	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
208	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
209	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
210	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
211	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
212	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Toán	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
213	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
214	Hoàng Văn Ngọc	1976	Sinh học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
215	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
216	Đào Thị Hồng Hạnh	1988	Ngữ văn	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
217	Hà Thị Thu Thủy	1975	Lịch sử	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
218	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
219	Đặng Thị Phương Thảo	1984	TLGD	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
220	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
221	Dương Quỳnh Phương	1974	Địa lý	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
222	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
223	Nguyễn Hoàng Linh	1989	THPTTN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
224	Nguyễn Thị Hòa	1990	Lịch sử	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
225	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
226	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
227	Đinh Đức Hội	1977	Mầm non	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
228	Trần Thị Kim Hoa	1978	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
229	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
230	Đồng Thị Thanh	1987	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
231	Hoàng Thị Kim Oanh	1987	KHCN	TT	TH Nâng cao NL khởi nghiệp cho CBQL		29/9-02/10/19	ĐHSPTN- Ninh Bình
232	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	TH công tác HC, THPT và truyền thông		03-04/10/19	Bộ GD&ĐT- Đà Nẵng
233	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	TT	Học ngắn hạn viết đề xuất cho dự án DAAD DIES ProGRANT		06-12/10/19	ĐH Cologne- Hà nội
234	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
235	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
236	Phạm Thị Huyền	1979	HCTC	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
237	Vũ Thị Thủy	1979	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
238	Trần Thị Lan	1878	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
239	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	TH Nội dung và PPGD quyền con người		02-05/11/19	Học viện CTQG Hồ Chí Minh
240	Nguyễn Thị Ánh Hằng	1991	Toán	TT	Khóa học ngắn hạn		11-22/11/19	Viện Toán học
241	Hoàng Ngọc Yến	1991	Toán	TT	Khóa học ngắn hạn		11-22/11/19	Viện Toán học
242	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
243	Trần Minh Khương	1976	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
244	Nguyễn Thành Trung	1980	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
245	Nguyễn Đức Tuấn	1980	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
246	Nguyễn Đức Trường	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
247	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
248	Nguyễn Nhạc	1988	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
249	Nguyễn Huy Ánh	1987	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
250	Trần Thị Tú	1982	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
251	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
252	Lê Văn Hùng	1990	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
253	Nguyễn Thị Thanh Vân	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
254	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
255	Nguyễn Thị Hà	1989	TDTT	TT	TH Trọng tài Quần vợt		09-11/11/19	Sở VH, TT&DL tỉnh Thái Nguyên
256	Trần Nguyên An	1981	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
257	Trần Thị Ngọc Anh	1981	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
258	Vũ Văn Anh	1982	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
259	Dương Thị Tú Anh	1970	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
260	Ngô Thị Lan Anh	1982	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
261	Đào Ngọc Anh	1978	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
262	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
263	Mai Văn Cẩn	1968	Ngoại ngữ	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
264	Đỗ Thùy Chi	1982	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
265	Đỗ Ngọc Cương	1980	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
266	Trần Việt Cường	1982	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
267	Dương Công Đạt	1979	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
268	Nguyễn Mậu Đức	1983	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
269	Nguyễn Văn Dũng	1968	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
270	Ngô Mạnh Dũng	1984	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
271	Lâm Thùy Dương	1977	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
272	Nguyễn Thị Hà	1978	THPTTN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
273	Cao Thị Hà	1971	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
274	Trần Ngọc Hà	1984	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
275	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
276	Chu Việt Hà	1982	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
277	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nghệ thuật	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
278	Dương Thu Hằng	1978	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
279	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	KHTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
280	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
281	Cao Thị Hào	1976	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
282	Phạm Đức Hậu	1976	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
283	Vũ Thị Hậu	1976	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
284	Phí Thị Hiếu	1978	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
285	Lê Thị Phương Hoa	1976	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
286	Nguyễn Văn Hoàng	1976	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
287	Đinh Đức Hợi	1977	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
288	Nguyễn Mạnh Hùng	1973	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
289	Trần Thị Minh Huế	1977	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
290	Bùi Thế Hùng	1980	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
291	Lê Thị Thu Hương	1984	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
292	Đỗ Trà Hương	1969	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
293	Lê Thị Thu Hương	1981	Tiểu học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
294	Nguyễn Thị Hường	1975	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
295	Phạm Thị Huyền	1979	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
296	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
297	Phạm Văn Khang	1982	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
298	Đồng Duy Khánh	1984	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
299	Cao Tiến Khoa	1974	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
300	Nguyễn Thị Khương	1978	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
301	Phạm Hữu Kiên	1980	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
302	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
303	Nguyễn Thị Hiền Lan	1972	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
304	Nguyễn Thị Hoàng Lan	1975	GDCT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
305	Nguyễn Phương Liên	1975	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
306	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
307	Nguyễn Quang Linh	1982	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
308	Hà Thị Kim Linh	1978	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
309	Lê Thùy Linh	1981	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
310	Nguyễn Thị Tố Loan	1981	Hóa học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
311	Trần Huệ Minh	1977	Toán	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
312	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Ngoại ngữ	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
313	Ngô Giang Nam	1978	HCTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
314	Nguyễn Danh Nam	1982	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
315	Bùi Huy Nam	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
316	Nguyễn Thị Ngân	1969	Thanh tra	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
317	Hoàng Văn Ngọc	1976	Sinh học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
318	Nguyễn Thị Ngọc	1982	TLGD	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
319	Bùi Đức Nguyên	1977	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
320	Phạm Thị Minh Nguyệt	1978	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
321	Nguyễn Thị Hạnh Phương	1976	Ngũ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
322	Dương Quỳnh Phương	1974	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
323	Nguyễn Duy Phương	1981	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
324	Nguyễn Hữu Quân	1985	KHCN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
325	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Ngũ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
326	Nguyễn Văn Quyết	1979	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
327	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
328	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
329	Đỗ Vũ Sơn	1964	KTX	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
330	Từ Quang Tân	1979	Đào tạo	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNCL		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
331	Lương Đức Thắng	1975	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
332	Sỹ Danh Thường	1981	Khảo thí	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
333	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Thanh tra	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
334	Phạm Thị Thủy	1972	THPTTN	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
335	Ngô Thu Thủy	1983	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
336	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Ngữ văn	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
337	Hà Thị Thu Thủy	1976	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
338	Nguyễn Thị Minh Thủy	1981	Vật lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
339	Vũ Thị Thu Thủy	1976	Sinh học	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
340	Võ Xuân Thủy	1985	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN

VÀ
 CÔNG
 HỌ
 HẠM
 HẢI N

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
341	Dương Ngọc Toàn	1983	CTHSSV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
342	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Lịch sử	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
343	Đoàn Dũng Trí	1973	KHTC	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
344	Nguyễn Thành Trung	1979	QTPV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
345	Nguyễn Thành Trung	1980	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
346	Trần Thị Tú	1982	TDTT	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
347	Cáp Thanh Tùng	1963	TTTT-TV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
348	Nguyễn Văn Tuyên	1969	CTHSSV	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
349	Trần Đức Văn	1982	Địa lý	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
350	Dương Thị Thúy Vinh	1982	Mầm non	TT	BD lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc ĐVSNC		06/7-19/7/19	Học viện QLGD- ĐHSPTN
351	Bùi Thế Hùng	1980	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/12/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
352	Trần Đình Hùng	1984	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
353	Dương Quang Hải	1981	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
354	Nguyễn Thu Hiền	1983	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
355	Ngô Thị Tú Quyên	1978	K.Toán	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
356	Đinh Quý Hùng	1980	KTX	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
357	Trần Mạnh Hùng	1988	KTX	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
358	Vũ Thị Thanh Tâm	1973	KTX	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
359	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	BM NN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
360	Vi Thị Trung	1969	BM NN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
361	Phùng Thị Thanh Tú	1978	BM NN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
362	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	BM NN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
363	Đỗ thị Tường Chinh	1968	HCTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
364	Phạm Thị Huyền	1979	HCTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
365	Phạm Thị Thuần	1969	HCTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
366	Lê Thị Nga	1979	HCTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
367	Nguyễn Xuân Hùng	1971	Khảo thí	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
368	Nguyễn Thị Minh Hiền	1983	Khảo thí	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
369	Nguyễn.T Minh Nguyệt	1975	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
370	Phạm Tất Thành	1984	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
371	Nguyễn Thị Huyền	1990	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
372	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Địa lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
373	Lê Văn Hùng	1990	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
374	Trần Minh Khương	1976	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
375	Đào T Hoa Quỳnh	1985	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
376	Nguyễn Huy Ánh	1985	TDTT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
377	Nguyễn Văn Thiều	1980	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
378	Nguyễn Thanh Tiến	1985	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
379	Đỗ Thị Linh Chi	1981	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
380	Hồ Thủy Ngân	1985	BMNT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
381	Phan Đình Quang	1969	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
382	Dương Thị Phương Chi	1983	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
383	Đặng Thị Hương	1984	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN



TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
384	Nguyễn Quang Hải	1978	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
385	Võ Quang Hoàn	1983	Vật lý	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
386	Lâm Tú Anh	1967	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
387	Ngân Bá Cúm	1961	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
388	Hoàng Bích Vân	1977	CTHSSV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
389	Vũ Thị Hậu	1976	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
390	Vũ Văn Nhượng	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
391	Phạm Văn Khang	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
392	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1980	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
393	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Hóa học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
394	Nguyễn Thị Minh	1968	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
395	Doãn Thị Bích Liên	1972	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
396	Đồng Duy Khánh	1984	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
397	Bùi Thị Dung	1977	Đào tạo	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
398	Lê Thị Thu Hương A	1969	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
399	Nghiêm Thị Hải Yến	1974	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

DU
TR
ĐẠ
SƯ
HOC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
400	Nguyễn Đức Thắng	1984	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
401	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Lịch sử	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
402	Mã Thị Hương Lan	1976	Thanh tra	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
403	Nguyễn Thị Mão	1974	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
404	Trần Thị Lan	1979	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
405	Hứa Ngọc Thu	1979	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
406	Nguyễn Thị Hạnh	1988	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
407	Hoàng Thu Thủy	1981	GDCT	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
408	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
409	Lê Như Hoa	1988	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
410	Lê Hồng Sơn	1981	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
411	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	TLGD	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
412	Trịnh Diễm Thúy	1978	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
413	Lương Thị Thanh Hương	1973	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
414	Nguyễn Thị Mai Lan	1984	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
415	Hứa Thị Hồng Chuyên	1979	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
416	Trần Thị Hương	1974	TTTT-TV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
417	Nguyễn Thị. Minh Nguyệt	1973	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
418	Vi Phương Thùy	1983	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
419	Mông Thị Nguyệt	1986	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
420	Hà Mạnh Khương	1987	THPTTN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
421	Nguyễn Sỹ Hùng	1968	Bảo vệ	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
422	Đặng Văn Thắng	1971	Bảo vệ	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
423	Vũ Thị Thu Thủy	1975	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
424	Nguyễn T Phương Thảo	1986	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
425	Lê Phương Dung	1985	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
426	Cao Thị Phương Thảo	1969	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
427	Tạ Thị Ngọc Hà	1979	Sinh học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
428	Hà Thị Khánh Ly	1983	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
429	Hoàng Thị Hoài Thu	1981	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
430	Nguyễn Thị Phương	1974	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
431	Ngô Thị Huân	1974	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
432	Dương Thị Minh Huệ	1979	QTPV	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
433	Vũ Đình Bắc	1987	KH-CN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
434	Nguyễn Thùy Dương	1985	KH-CN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
435	Dương Thị Thúy Vinh	1982	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
436	Ngô Mạnh Dũng	1984	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
437	Vũ Thị Thủy	1986	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
438	Lê Thị Thanh Huệ	1985	GDMN	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
439	Trần Ngọc Bích	1978	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
440	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
441	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
442	Lê Thị Anh	1975	Tiểu học	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
443	Ngô Thị Thu Trang	1980	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
444	Lê Thị Hương Giang	1976	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
445	Nguyễn Thị Bích	1979	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
446	Nguyễn Kiến Thọ	1968	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
447	Nguyễn Thị Minh Thu	1981	Ngữ văn	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác	Hình thức đào tạo/bồi dưỡng	Nội dung đào tạo/bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ sở đào tạo
448	Trịnh Thị Thanh Vân	1984	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
449	Nguyễn Thị Thu Hằng	1978	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
450	Đào Thị Hồng Nhung	1989	KHTC	TT	BD kiến thức QP&AN Đối tượng 4		14,15,21,22/1 2/2019	TTGDQP&AN-ĐHTN
451	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	TLGD	TT	BD Đào tạo nhà tâm lý tư vấn		03/01- 07/01/2020	Hội Tâm lý học VN+ Hàn Quốc

* Thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm 2019-2020 và 02 năm tiếp theo.

Người lập biểu
Phó trưởng phòng HC - TC

nhung

Ma Thị Nhung

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường